

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ năm học 2025-2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NA SANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GD&ĐT quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Biên bản họp ngày 18/9/2025 của Hội đồng thẩm định hồ sơ xét duyệt các chế độ trẻ em, học sinh 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025 - 2026 của UBND xã Na Sang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội và Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, đang học tại các đơn vị trường trên địa bàn xã Na Sang năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

- 1. Tổng số trẻ em nhà trẻ được xét duyệt là trẻ em nhà trẻ bán trú: 639 trẻ.**
- 2. Tổng số học sinh được xét duyệt là học sinh bán trú: 1.747 học sinh, cụ thể:**
 - Tổng số học sinh được hỗ trợ tiền ăn: 1.747 học sinh;**
 - Tổng số học sinh được hỗ trợ tiền nhà ở: 36 học sinh;**
 - Tổng số học sinh được hỗ trợ gạo: 1.747 học sinh.**

(Có biểu tổng hợp và danh sách trẻ, học sinh kèm theo)

Điều 2. Hội đồng xét duyệt các trường có trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm học 2025-2026 có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai kết quả phê duyệt của UBND xã và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các văn bản quy định hiện hành.

Thời gian được hỗ trợ:

- Trẻ em nhà trẻ bán trú và học sinh bán trú được hỗ trợ 9 tháng, từ tháng 9 đến tháng 5 năm 2026, thuộc năm học 2025-2026 (Không bao gồm học sinh bán trú lớp 1).

- Học sinh bán trú lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 được hưởng 10 tháng từ tháng 8 năm 2025 đến tháng 5 năm 2026, thuộc năm học 2025-2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng các phòng: Văn hóa - Xã hội, Kinh tế; Hiệu trưởng các đơn vị trường và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đơn vị trường;
- Lưu: VT. VHXH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Võ Nam

TỔNG HỢP
KINH PHÍ HỖ TRỢ TRẺ EM NHÀ TRẺ BÁN TRÚ
NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND xã Na Sang)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Thuộc xã, thị trấn	Số lượng trẻ em nhà trẻ bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
1	Trường MN số 1 Na Sang	Na Sang	128	9	414.720.000	
2	Trường MN số 2 Na Sang	Na Sang	94	9	304.560.000	
3	Trường mầm non Sao Mai	Na Sang	29	9	93.960.000	
4	Trường mầm non Ma Thi Hồ	Na Sang	223	9	722.520.000	
5	Trường mầm non Sa Long	Na Sang	165	9	534.600.000	
Tổng			639	639	2.070.360.000	

DỰ TOÁN
KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở VÀ HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH
BÁN TRÚ, NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 19/2025 của UBND xã Na Sang)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng HS bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
1	Trường PTDTBT TH số 1 Na Sang	181	9	1.524.744.000	0	24.435	
2	Trường PTDTBT TH số 2 Na Sang	149	9	1.255.176.000	0	20.115	
3	Trường tiểu học Na Sang	78	9	657.072.000	116.640.000	10.530	Có 36 HS được hỗ trợ tiền nhà ở
4	Trường PTDTBT TH Ma Thi Hồ	362	9	3.083.184.000	0	49.515	Có 43 HS lớp 1 được hưởng 10 tháng
5	Trường PTDTBT TH Sa Long	207	9	1.760.616.000	0	28.215	Có 18 HS lớp 1 được hưởng 10 tháng
6	Trường PTDTBT THCS Na Sang	302	9	2.544.048.000	0	40.770	
7	Trường THCS số 1 Na Sang	9	9	75.816.000	0	1.215	
8	Trường PTDTBT THCS Ma Thi Hồ	257	9	2.164.968.000	0	34.695	
9	Trường PTDTBT THCS Sa Long	202	9	1.701.648.000	0	27.270	
Tổng		1.747		14.767.272.000		236.760	

DANH SÁCH TRẺ EM NHÀ TRẺ BÁN TRÚ
ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM HỌC 2025-2026

Đơn vị: Trường mầm non Sa Long

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Na Sang)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ	Địa chỉ (Thôn, bản)	Xã/thị trấn	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm						
1	Hồ Huyền My	18	6	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
2	Sinh Minh Nhật	10	3	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
3	Sùng Đại Long	04	8	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
4	Sinh Ánh Hoa	09	8	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
5	Hồ Thị Ngọc Hà	14	7	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
6	Vừ Nhật Long	13	1	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
7	Hồ Thị Dung	08	3	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
8	Tráng T Ngọc Uyên	11	7	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
9	Hồ Minh Phú	05	4	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
10	Hồ Hoàng Cường	12	1	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
11	Lý Thị Hoa	4	1	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
12	Lý Đức Nam	13	3	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
13	Lý Minh Hải	16	12	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
14	Hồ Minh Khang	24	9	2024	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
15	Lý Thị Huyền Trăng	22	3	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
16	Hồ Bình An	18	9	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
17	Cháng Hải Đăng	21	2	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
18	Hồ Thị Thanh Vân	5	7	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
19	Hồ Thị Minh Nguyệt	27	9	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	

N.D.Xã

20	Hồ Thị Thanh Trúc	26	2	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
21	Cháng Huy Hoàng	6	4	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
22	Hồ Kim Trúc	12	4	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
23	Chó A Trung	11	7	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
24	Hồ Gia Bảo Khang	22	8	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
25	Chó Anh Tuấn	21	11	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
26	Lý Thị Dợ	27	4	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
27	Vàng Thị Phượng	27	1	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
28	Sinh Yến Hoa	30	3	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
29	Sinh Thị Huyền Chi	25	6	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
30	Sinh Quốc Việt	28	5	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
31	Sinh Thị Út	15	3	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
32	Sinh T Bích Duyên	16	1	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
33	Hồ Thành Nam	9	1	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
34	Lý Đức Thiện	27	10	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
35	Hồ Thị Thu Phương	28	11	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
36	Giàng Huy Hoàng	12	3	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
37	Lý A Tiến	16	12	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
38	Sùng Thị Sỉ	1	9	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
39	Giàng Phương Đông	12	9	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
40	Sinh lại Duyên	16	12	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
41	Nguyễn Ngọc Hân	27	4	2023	360.000	9	3.240.000	Bản 36	Na Sang	
42	Hồ Thị Vân	07	02	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Long 2	Na Sang	
43	Hồ Ny Na	21	03	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Long 2	Na Sang	
44	Hồ Thu Ngân	24	05	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Long 2	Na Sang	
45	Thào Trường An	16	05	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Long 2	Na Sang	

46	Hồ Trung Nguyên	22	05	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
47	Hồ Minh Khải	19	01	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
48	Chór Hùng Long	12	03	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
49	Hồ Việt Hùng	03	04	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
50	Hồ Mai Phương	13	11	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
51	Thào A Phình	14	01	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
52	Hồ Mai Phương	08	05	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
53	Sùng Thị Hà My	25	12	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
54	Hồ Minh Quân	12	11	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
55	Chór Huy Hoàng	06	10	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
56	Hồ Hải Đăng	16	8	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
57	Chór A Quang	10	11	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
58	Chór Thị Ngọc Bích	16	10	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
59	Chór Thị Dung	18	12	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
60	Thào Thị Ngọc Dung	20	06	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
61	Sùng Thị Hà Vy	25	12	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
62	Cháng Thùy Chi	24	06	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
63	Chór Việt Phú	15	1	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
64	Hồ Phúc Long	22	6	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
65	Chór Phúc Điệp	11	10	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
66	Chór Thị Bích Phương	11	9	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
67	Chór Thị Linh Chi	6	11	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
68	Chór Thành Đạt	15	11	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
69	Hồ Quang Hậu	31	12	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
70	Hồ Thị Nhung	3	1	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
71	Thào Thị Nàng	23	1	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	

11/10/2024

72	Hồ Mạnh Quân	12	3	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
73	Sùng Tiến Đức	14	3	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
74	Hồ Thị Hoa Ban	16	3	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
75	Thào Thị Mai Hoa	13	3	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
76	Hồ Đình Trung	13	4	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
77	Thào Bế Ti	9	1	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
78	Lý Hùng Dũng	2	3	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
79	Hạng Thị Kiều Trinh	5	4	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
80	Hồ Toán Thành	19	3	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
81	Chór Anh Tuấn	30	5	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
82	Hồ Minh Vương	11	9	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
83	Hồ Huyền My	16	10	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Na Sang	
84	Chór Thị Nhung	5	4	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
85	Chór Thị Hồng Mây	9	4	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
86	Chór Hải Bằng	28	7	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
87	Sùng Thiên Ân	6	6	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
88	Chór Thị Vân Y	20	6	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
89	Chór Kim Ngân	20	8	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
90	Thào Hải Minh	9	4	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
91	Chór Quan Bảy	20	3	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
92	Chór Thị Đợi	24	1	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
93	Giàng Thị Tuyết Như	30	4	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
94	Chór Thị Mai Linh	7	9	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
95	Chór A Du	11	8	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
96	Chór Thị Khánh Vy	2	9	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
97	Giàng Đức Hiếu	28	10	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	

98	Hồ Thị Dì	10	6	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
99	Thào Thị Quỳnh Anh	4	4	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
100	Chớ Thị Thu Thủy	9	10	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
101	Chớ Quân Vương	21	10	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
102	Hồ A Kỳ	5	3	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
103	Chớ A Việt	9	11	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
104	Hồ Thị Ngọc Hoà	10	1	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
105	Chớ Trí Kiên	18	10	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 1	Na Sang	
106	Vừ A Việt	1	8	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Xã Na Sang	
107	Vừ Ba Tư	15	9	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Xã Na Sang	
108	Khánh Thị Tú Uyên	1	11	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Xã Na Sang	
109	Hồ Hoài An	11	12	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Xã Na Sang	
110	Khánh Thị Ngọc Yến	28	10	2023	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Xã Na Sang	
111	Vừ T Hồng Hạnh	1	1	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Xã Na Sang	
112	Hồ A Huy	9	2	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Xã Na Sang	
113	Hồ Thị Thu	6	4	2024	360.000	9	3.240.000	Sa Lông 2	Xã Na Sang	
114	Hạng Thị Ka Sét	13	4	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	
115	Giàng Nguyệt Ánh	5	6	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	
116	Vàng Thị Hương	30	6	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	
117	Hạng Minh Lâm	13	7	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	
118	Hạng T. Quỳnh Nga	3	9	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	
119	Hồ Ngọc Thảo	10	9	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	
120	Vừ A Duy	25	11	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	
121	Hồ Thị Bích Thảo	31	10	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	
122	Vừ Thành Nam	5	1	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	
123	Giàng Thị Xuân Đào	12	1	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Cồng Trời	Sa Lông	

124	Hồ Đức Trần	19	11	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
125	Hạng Hiền Quân	1	3	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
126	Mùa Thị Diễm My	3	4	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
127	Vàng Lăng Duệ	28	4	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
128	Mùa Mai Hà	12	6	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
129	Vàng T.Khánh Vân	18	6	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
130	Vàng A Khánh	26	7	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
131	Hạng Thanh Trúc	7	9	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
132	Giàng Quang Sáng	24	11	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
133	Hồ Thiên Hà	14	9	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Công Trừ	Sa Long	
134	Hồ Trường Thịnh	6	5	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
135	Giàng Phương Thảo	20	11	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
136	Hồ Thị Nguyệt Ánh	2	10	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
137	Hồ Bảo Lâm	30	2	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
138	Hồ A Anh	15	12	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
139	Hồ Ngọc Ánh	4	12	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
140	Hồ Sông Nhi	22	9	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
141	Hồ Thị Nguyệt Thủy	4	6	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
142	Hồ Thu Hương	11	7	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
143	Hồ Minh Thành	17	11	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
144	Hồ Tuấn Đạt	22	4	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
145	Hồ Mỹ Đình	10	2	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
146	Hồ Ngọc Yến	2	3	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
147	Hồ Mai Hương	18	3	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
148	Hồ Hoàng Dũng	14	7	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
149	Hồ Đức Duy	22	11	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	

150	Hồ Duy Khánh	24	9	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
151	Hồ Thanh Tân	22	9	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
152	Hồ Minh Vương	23	10	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Chiêu Ly	Na sang	
153	Lô Quỳnh Anh	27	5	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
154	Ly Bảo Linh	25	5	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
155	Sần Ngọc Phương	31	7	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
156	Sần Chấn Công	16	8	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
157	Sần Nhã Uyên	27	9	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
158	Thần Vân Thương	17	10	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
159	Sần Bảo Lâm	16	11	2023	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
160	Sần Thiên Ngân	1	3	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
161	Ly Ngại Hoa	26	5	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
162	Giàng Chính Thông	1	6	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
163	Vàng Đức Thường	16	10	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
164	Sần Đức Duy	23	10	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
165	Lừu Thùy Vân	22	4	2024	360.000	9	3.240.000	Bản Thèn Pả	Na sang	
	Tổng cộng						534.600.000			

